Câu 1: Một góc có số đo (độ) là 120° thì góc đó có số đo (theo đơn vị rađian) là:

A. $\frac{2\pi}{3}$ **B.** 12 **C.** $\frac{3\pi}{2}$ **D.** $\frac{\pi}{3}$

Câu 2: Trong các công thức dưới đây, hãy chọn công thức đúng. (giả sử các công thức đều có nghĩa)

A. $\frac{1}{\sin^2\alpha} = 1 + \cot^2\alpha$ **B.** $\frac{1}{\tan^2\alpha} = 1 + \cos^2\alpha$

C. $\sin^4\alpha + \cos^4\alpha = 1$ **D.** $\sin^2 a + \cos^2 b = 1$

Câu 3: Cho α là một góc lượng giác bất kỳ. Hãy chọn công thức đúng.

A. $\sin\ \pi - \alpha\ = \sin\alpha$ **B.** $\cos\ \pi - \alpha\ = \cos\alpha$

C. $\tan\ \pi - \alpha\ = \tan\alpha$ **D.** $\cot\ \pi - \alpha\ = \cot\alpha$

Câu 4: Cho $\sin x = \frac{3}{5}$ và $\frac{\pi}{2} < x < \pi$. Tính $\cot x$.

A. $\cot x = -\frac{4}{3}$ **B.** $\cot x = \frac{4}{3}$. **C.** $\cot x = -\frac{4}{5}$. **D.** $\cot x = \frac{4}{5}$.

Câu 5: Một đường tròn có bán kính 20cm, Tìm độ dài của cung trên đường tròn đó có số đo $\frac{\pi}{15}$ (tính gần đúng đến hàng phần trăm) .

A. 4,19cm **B.** 4,18cm **C.** 95,49cm **D.** 95,50cm.

Câu 6: Cho góc α thỏa $0^0 < \alpha < 90^0$. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. $\cos\ 2\alpha + 90^0\ < 0$. **B.** $\tan\ 180^0 - \alpha\ > 0$.

C. $\sin\ 90^0 + \alpha\ < 0$. **D.** $\cos\ 90^0 - 2\alpha\ < 0$.

Câu 7: Cho $\tan\alpha = 3$ $\left(\pi < \alpha < \frac{3\pi}{2}\right)$. Tính $\cos\alpha$.

A. $-\frac{1}{\sqrt{10}}$. **B.** $\frac{1}{\sqrt{10}}$. **C.** $\frac{1}{10}$. **D.** $\sqrt{10}$.

Câu 8: Cho $\sin\alpha = \frac{3}{5}$ với $\frac{\pi}{2} < \alpha < \pi$ .Hãy tính $\sin 2\alpha$.

A. $\sin 2\alpha = -\frac{24}{25}$. **B.** $\sin 2\alpha = \frac{24}{25}$. **C.** $\sin 2\alpha = \frac{6}{5}$. **D.** $\sin 2\alpha = \frac{-12}{25}$.

LIVEWORKSHEETS